# LUẬN A TỲ ĐẠT MA TẬP DỊ MÔN TÚC
## QUYỂN 3

*Phẩm 3:* **HAI PHÁP**, Phần 3

Đối với pháp đoạn không bị ngăn trở, là như có một số người vì muốn đoạn trừ các pháp bất thiện và hoàn thành tròn đủ các pháp thiện nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích, siêng năng ân cần tu tập mãi chẳng thôi. Rồi nghĩ: "Làm thế nào để ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý". Nên người ấy mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu tập. Trong khi ấy thì chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, liền nghĩ: Như lời Thế Tôn nói thì không có điều nào chẳng đáng nghe theo. Nầy các nam tử! hãy nên siêng năng tu tập chánh hạnh nhưng chẳng chứng được các pháp thiện đúng lý, ấy là do việc tu hành của ta chưa được đầy đủ, thế nên chưa chứng được các pháp thiện đúng lý mà thôi. Chứ thật ra việc tu hành pháp đoạn trừ của ta chẳng uổng phí công lao. Chắc chắn nhất định là có kết quả có lợi, có ý nghĩa, thú vị và rất có ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên chẳng sinh lòng chán nản mà chê bai trách móc. Ấy gọi là đối với pháp đoạn không bị ngăn trở.

Lại có một số người vì muốn đoạn trừ pháp bất thiện và muốn hoàn thành trọn vẹn các pháp thiện, nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu mãi chẳng thôi, và nghĩ: "Làm thế nào để ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý". Do đó người ấy mạnh mẽ tinh tấn hăng hái ham thích siêng năng tu tập mãi chẳng dừng. Trong khi ấy chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, hoặc tuy đã chứng được nhưng chẳng hay biết, liền nghĩ: Như lời Thế Tôn nói chẳng có lời nào chẳng được tuân hành nghe theo: Nầy các Thiện nam đang siêng năng tu chánh hạnh, nhưng chẳng chứng được các pháp thiện đúng lý, ấy là vì việc tu chánh hạnh của ta chưa thật đầy đủ, do đó mà chưa chứng được các pháp thiện đúng lý. Nhất định rằng việc tu pháp đoạn của ta không hề phí công vô ích, nó có kết quả lợi ích, nó có nghĩa lý và rất thú vị

hữu ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên không sinh lòng chán nản mà chê bai trách móc. Đó là đối với pháp đoạn không bị ngăn trở.

Lại có một số người vì muốn đoạn trừ các pháp bất thiện và thực hiện đầy đủ các pháp thiện, nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích, siêng năng tu tập mãi chẳng dừng, mà nghĩ: "Làm thế nào ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý". Nên người ấy mạnh mẽ, tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu tập. Trong lúc đó thì chứng được các pháp thiện đúng lý, liền nghĩ: Nhất định việc tu pháp đoạn của ta không hề luống uổng phí công, nó có kết quả lợi ích, có ý nghĩa thú vị và hữu ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên chẳng sinh lòng chán nản và chê bai trách móc. Đó gọi là đối với pháp đoạn chẳng bị ngăn trở.

Lại có hai pháp: Đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Thế nào là Xa-ma-tha?

Đáp: Tức là khéo chú tâm vào một cảnh.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-bát-xá-na?

Đáp: Là tương ưng với Xa-ma-tha. Đối với pháp chọn lựa thì nên chọn lựa cùng cực và chọn lựa cùng cực tột bậc. Cùng hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần và hiểu khắp. Thấu suốt các điều quan yếu, phán xét lượng định thật kỹ lưỡng sáng suốt. Tuệ hạnh hiểu biết thông minh mẫn tuệ Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na. Như Thế Tôn có kệ:

*Chẳng có định không tuệ*
*Chẳng có tuệ không định*
*Cần có định và tuệ*
*Mới chứng được Niết-bàn.*

Chẳng có định nào mà không tuệ là nếu có một loại tuệ như thế, tất phải có được một thứ định như thế. Nếu không có lợi tuệ đó, tức nhiên cũng chẳng có được thứ định như thế, cho nên nói chẳng có định nào mà không tuệ.

Chẳng có tuệ nào mà không định, nghĩa là nếu tuệ mà có được là do định sinh ra, vì định là sự tập trung. Vậy dù là thứ định nào thì đều phải do yên định tập trung mà sinh ra. Do đó mà, với cái định như thế thì sẽ được cái tuệ như thế, còn nếu không có định thuộc loại nào thì cũng sẽ không có được tuệ thuộc loại đó được. Nên nói: "Chẳng có tuệ nào mà không có định".

Cần có tuệ và định, mới chứng được Niết-bàn, nghĩa là khi ái dục đã dứt hết thì gọi là Niết-bàn. Khi đó cần phải đủ cả định và tuệ thì mới

được chứng đắc, nếu trong đó, thiếu một thứ thì không thể chứng được. Do đó mà nói là: Cần có định có tuệ mới chứng được Niết-bàn.

Lại nữa, hoặc có Bổ-đặc-già-la chỉ được nội tâm yên dứt, nhưng chưa được tuệ quán cao thượng, hoặc có Bổ-đặc-già-la được tuệ quán cao thượng nhưng chưa được nội tâm yên dứt, hoặc có Bổ-đặc-già-la chẳng được nội tâm yên dứt mà cũng chẳng được tuệ quán cao thượng, hoặc có Bổ-đặc-già-la được cả nội tâm yên dứt và tuệ quán cao thượng.

Thế nào là Bổ-đặc-già-la chỉ được nội tâm yên dứt mà chưa được tuệ quán cao thượng? Như Bổ-đặc-già-la được tứ thiền của thế gian mà chưa được Thánh tuệ xuất thế.

Thế nào là Bổ-đặc-già-la chỉ được tuệ quán cao thượng mà chưa được nội tâm yên dứt? Như Bổ-đặc-già-la chỉ được Thánh tuệ xuất thế mà chưa được tứ thiền của thế gian.

Thế nào là Bổ-đặc-già-la chẳng được nội tâm yên dứt mà cũng chẳng được tuệ quán cao thượng? Như Bổ-đặc-già-la chẳng được tứ thiền thế gian mà cũng chẳng được Thánh tuệ xuất thế.

Thế nào là Bổ-đặc-già-la được cả nội tâm yên dứt và được tuệ quán cao thượng? Như Bổ-đặc-già-la được cả tứ thiền thế gian và được cả Thánh tuệ xuất thế.

Như nói khi tứ thiền thế gian đã tương ưng thì tâm trụ đều được trụ tất cả, nơi trụ cần thiết gần nhất là an trụ. Không hề tán loạn nhiếp giữ thôi dứt đều được hộ trì gìn giữ.

Chú tâm vào một cảnh, đó là chỉ rõ nội tâm được yên dứt.

Như khi nói được Thánh tuệ gồm thâu tức là đối với pháp chọn lựa thì chọn lựa cùng cực và chọn lựa cùng cực tột bậc. Hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu khắp. Thông suốt mọi điều quan yếu, phán xét lượng kỹ lượng sáng suốt. Tuệ hạnh hiểu biết thông minh mẫn tiệp Tỳ-bát-xá-na. Đây là chỉ rõ tuệ quán cao thượng, đó gọi là Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na.

Lại có hai pháp: Đó là minh và giải thoát.

Hỏi: Thế nào là minh?

Đáp: Đó là ba thứ minh vô học. Ba thứ minh nào? Ấy là:

1. Là minh vô học túc trụ tùy niệm trí tác chứng.
2. Là minh vô học tử sinh trí tác chứng.
3. Là minh vô học lậu tận trí tác chứng. Đó gọi là ba minh.

Hỏi: Thế nào là giải thoát?

Đáp: Có ba thứ giải thoát. Ba thứ giải thoát nào? Đó là:

1. Là tâm giải thoát.
2. Là tuệ giải thoát.

3. Là vô vi giải thoát.

Tâm giải thoát, tức là tâm tương ưng với căn thiện không tham, đã được hiểu rõ (thắng giải), sẽ được hiểu rõ và đang được hiểu rõ. Đó gọi là tâm giải thoát.

Tuệ giải thoát, tức là tâm tương ưng với căn thiện không ngu si, đã được hiểu rõ, sẽ được hiểu rõ và đang được hiểu rõ. Đó là tuệ giải thoát.

Vô vi giải thoát tức là trạch diệt. Đó gọi là vô vi giải thoát.

Trong đó, tâm giải thoát lại có học, vô học và phi học phi vô học.

Tâm giải thoát học là sao? Tức là tâm tương ưng với căn thiện không tham, có học đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, đang hiểu rõ.

Tâm giải thoát vô học là sao? Tức là tâm tương ưng với không tham, vô học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tâm giải thoát phi học phi vô học là sao? Đó là tâm tương ưng với căn thiện, không tham hữu lậu, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, và đang hiểu rõ. Ấy là phi học phi vô học.

Tuệ giải thoát cũng có học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Tuệ giải thoát có học là sao? Tức là tâm tương ưng với căn thiện, không ngu si có học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tuệ giải thoát vô học là sao? Tức là tâm tương ưng với căn thiện, không ngu si vô học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tuệ giải thoát chẳng phải học, chẳng phải vô học là sao? Ấy là tâm tương ưng với căn thiện, không ngu si hữu lậu, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ. Đó là chẳng phải học chẳng phải vô học.

Vô vi giải thoát chỉ có chẳng phải học chẳng phải vô học. Đó gọi là minh giải thoát.

Lại có hai pháp: Đó là trí tận và trí vô sinh.

Hỏi: Trí tận là sao?

Đáp: Tức là biết như thật: Ta đã biết Khổ, ta đã đoạn trừ Tập, ta đã chứng Diệt và ta đã tu Đạo. Đây là chỗ sinh ra trí thấy sáng suốt và giải tuệ sáng suốt. Đó gọi là trí tận.

Hỏi: Trí vô sinh là sao?

Đáp: Tức là biết như thật: Ta đã biết Khổ không cần biết nữa. Ta đã chứng Diệt không cần phải chứng nữa. Ta đã tu Đạo không cần phải tu nữa. Đây là chỗ sinh ra trí sáng suốt và giải tuệ sáng suốt. Đó gọi là trí vô sinh.

Lại còn, nếu đã biết đúng như thật đã diệt hết dục lậu, hữu lậu và

vô minh lậu thì đó là trí tận, còn như thật mà biết sự diệt hết ba thứ lậu vừa kể là đã hết sạch không còn sinh lại nữa thì đó là trí vô sinh.

Lại còn, nếu đúng như thật mà biết đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các kết phược tùy miên và tùy phiền não, thì gọi là trí tận. Còn đúng như thật mà biết đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các kết phược tùy miên tùy phiền não và chúng không còn khởi lên nữa, thì đó là trí vô sinh.

---

## *Phẩm 4:* **BA PHÁP**, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Tất cả quý thầy nên biết: Đức Phật tự mình đã thấu suốt về ba pháp, rồi vì các hàng đệ tử đem ra giảng dạy chỉ bày. Chúng ta nay nên hòa hợp mà kết tập lại kỹ lưỡng, để khi Phật diệt độ thì không có sự tranh cãi sau nầy. Và nên khiến mọi người cần hòa thuận tuân giữ pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh để tạo lợi lạc lâu dài cho vô số loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng các phước báo an lạc thù thắng. Ba pháp đó là gì? Có năm bài kệ tụng.

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ nhất nói:

*Ba pháp đầu có mười*
*Là: căn, tầm, hành, giới*
*Ba pháp trước có hai*
*Một pháp sau có bốn.*

Có ba căn bất thiện và ba căn thiện, ba tầm bất thiện và ba tầm thiện, ba hạnh ác và ba hạnh diệu. Có nhiều thứ ba giới:

Ba giới: Dục, giận và hại.

Ba giới: Xuất ly, không giận, không hại.

Ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Ba giới: Sắc, vô sắc và diệt.

Ba căn bất thiện: Đó là tham lam, sân giận, si mê.

Hỏi: Căn bất thiện tham là sao? Tham là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với các dục cảnh mà tham lam, ham muốn tất cả, cầm giữ cất giấu, phòng hộ giữ gìn, chấp chặt, mến yêu, ham thích, mê muội, đam mê ham thích, đam mê ham thích khắp cả, rồi trói buộc nội tâm, ước muốn, mong cầu, ham đắm, chiêu tập các khổ, là loài tham lam, thứ sinh ra tham lam..., gọi chung là tham.

Thế nào là căn bất thiện? Tức là sự tham lam nầy có tánh bất

thiện vì nó hay gây ra vô số các gốc chẳng thiện khác, nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sầu, gốc nhơ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng mát trong. Thế nên gọi là căn bất thiện tham.

Hỏi: Căn bất thiện sân là sao? Sân là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với các loài hữu tình muốn gây ra sự tổn hại. Lòng luôn ôm ấp sự tàn hại, muốn gây sự sầu não đau khổ cho mọi người. Đã từng sân giận, sẽ sân giận, hiện đang sân giận, ưa gây tội lỗi, luôn luôn thích gây tội ác, lòng luôn hờn giận cùng cực. Đối với các loài hữu tình luôn trái nhau và đột nhiên lại gây bao khổ nạn tội ác. Đã từng gây tội ác, sẽ gây tội ác và hiện đang gây tội ác. Gọi chúng là sân giận.

Thế nào là căn bất thiện? Nghĩa là sự sân giận nầy có tánh chẳng thiện vì nó gây ra vô số các gốc tội ác chẳng thiện khác. Thế nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sầu, gốc nhơ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng tươi mát trong trắng. Thế nên gọi là căn bất thiện sân.

Hỏi: Căn bất thiện si là sao? Si là gì?

Đáp: Tức là phía trước chẳng biết, phía sau chẳng biết, cả trước sau đều chẳng biết gì. Chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, cả trong ngoài đều chẳng biết. Chẳng biết nghiệp, chẳng biết dị thục, chẳng biết cả nghiệp của dị thục. Đối với nghiệp làm thiện cũng không biết, nghiệp tạo ác cũng chẳng hay, cả nghiệp tạo thiện ác cũng chẳng biết gì. Không biết nhân, không biết pháp do nhân sinh ra, không biết Phật, không biết pháp, không biết Tăng. Đối với Khổ không biết, Tập không biết, Diệt không biết, Đạo cũng không biết. Không biết pháp nào có tội, pháp nào không tội, không biết pháp nào thiện, pháp nào bất thiện. Không biết pháp nào đáng tu, pháp nào chẳng đáng tu. Chẳng biết pháp nào thấp kém, pháp nào là cao quý nhiệm mầu. Đen cũng chẳng biết mà Trắng cũng mịt mù. Chẳng hiểu pháp nào là đối địch, pháp nào là duyên sinh. Đối với sáu chỗ xúc chạm cũng không như thật mà biết. Cứ như thế mà hoàn toàn chẳng thấy, chẳng biết, chẳng nhìn xem. Tất cả đều đen tối ngu si, vô minh, mờ mịt. Luôn luôn bị úp chụp buộc ràng trong một màn lưới đen tối, ngu muội ngờ nghệch, vẩn đục đầy cặn cáu. Từ đó phát sinh ra đui mù, vô minh và đần độn vô trí, diệt mất hết trí tuệ sáng suốt, chướng ngại các pháp thiện, khiến không chứng được Niết-bàn. Nó là lậu vô minh, là dòng sông cuồng bạo vô minh, là cái ách vô minh nặng nề, gốc độc vô minh, cành độc vô minh, lá độc vô minh, hoa

độc vô minh, quả độc vô minh. Si hết thảy, si cùng cực vẫn là si tàn ác, từ si sinh ra si, từ tàn ác sinh ra tàn ác... Đều gọi chung là si.

Thế nào là căn bất thiện? Vì cái ngu si đó là tánh chẳng thiện, nó gây ra bao nhiêu gốc chẳng thiện khác. Thế nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sầu, gốc dơ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng mát trong. Thế nên gọi là căn bất thiện si.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các ác tham, sân, si*
*Làm não hại tâm mình*
*Như ruột cây có sâu*
*Trái và vỏ đều hư.*

Ba căn thiện: Đó là căn thiện không tham, căn thiện không sân giận, căn thiện không si mê.

Hỏi: Căn thiện không tham, thì không tham là sao?

Đáp: Tức không ham cảnh dục, chẳng ngang hàng với kẻ tham, chẳng cất giấu, chẳng canh chừng giữ gìn, chẳng chấp chặt, chẳng mến, chẳng ham, chẳng mê muội, chẳng đam mê ham thích, chẳng đam mê ham thích khắp cả, chẳng trói cột nội tâm, chẳng ước muốn mong cầu, chẳng ham đắm. Chẳng phải khổ tập, chẳng phải là loại tham lam, chẳng phải là thứ sinh ra tham lam... Gọi chung là không tham.

Thế nào là căn thiện? Vì sự không tham nầy là tánh thiện, nó có thể chế tạo ra vô lượng gốc pháp thiện. Thế nên nó không phải là gốc bệnh gốc ung nhọt, không phải là gốc tên độc, gốc nhơ nhớp, không phải là gốc các tạp nhiễm. Nó là gốc trong sạch, là gốc mát mẻ trắng trong. Thế nên gọi là căn thiện không tham.

Hỏi: Còn căn thiện không sân giận là sao? Không sân giận là sao?

Đáp: Không gây tổn hại chúng sinh, không ôm lòng độc hại, không gây rắc rối khổ não cho họ. Không phải đã, sẽ hay đang giận. Không ưa gieo tai họa hay tai họa trầm trọng cho ai. Ý không giận dữ, không làm trái ngược tàn bạo với loài hữu tình. Không muốn gây tai họa cho họ dù đã, đang hay sẽ. Hết thảy việc đó gọi chung là không sân hận.

Thế nào là căn thiện? Không có pháp giận dữ là tánh thiện. Không giận dữ có khả năng làm gốc cho vô lượng pháp thiện. Nên không sân giận sẽ không làm ra gốc bệnh, không làm gốc ung nhọt, gốc tên độc, không phải là gốc nhơ nhớp hay gốc của các tạp nhiễm, mà là gốc trong sạch, gốc tươi mát trong trắng. Thế nên gọi là căn thiện không sân

giận.

Hỏi: Căn thiện không si mê là sao? Không si mê là gì?

Đáp: Tức là có trí biết phía trước, có trí biết phía sau, có trí biết cả trước sau, có trí biết trong, trí biết ngoài, trí biết cả trong ngoài. Có trí biết nghiệp, trí biết dị thục, trí biết cả nghiệp của dị thục. Có trí biết nghiệp làm thiện, trí biết nghiệp làm ác, trí biết nghiệp làm thiện ác. Có trí biết nhân biết, nhân sinh pháp, có trí biết Phật, biết Pháp, biết Tăng, có trí biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, có trí biết pháp thiện và pháp bất thiện, trí biết pháp nào có tội pháp nào không tội. Trí biết pháp nào nên tu pháp nào chẳng nên tu, trí biết pháp nào thấp kém, pháp nào cao quý, trí biết pháp nào đen, pháp nào trắng. Trí biết pháp nào có đối địch, pháp nào là duyên sinh. Trí biết sáu chỗ xúc chạm như thật. Trí biết như thế sẽ thấy sáng suốt, hiểu rõ ràng với cái nhìn giải tuệ rực sáng. Nên gọi chung là không si mê.

Thế nào là căn thiện? Không có pháp si mê là tánh thiện, không si mê có khả năng làm gốc cho vô lượng pháp thiện, thế nên pháp đó không phải là gốc bệnh, không làm gốc ung nhọt hay gốc tên độc, không phải là gốc nhơ nhớp hay là gốc các tạp nhiễm, mà nó là gốc trong sạch, gốc tươi mát trắng trong. Thế nên gọi là căn thiện không si mê.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu lìa tham sân si*
*Thì gọi là bậc trí*
*Cũng gọi là Thượng sĩ*
*Tự tâm không não hại*
*Thế nên phải xa lìa*
*Tham sân là vô minh*
*Siêng tu, khởi tuệ sáng*
*Được mau hết các khổ.*

Ba tầm bất thiện: Tức là tầm tham dục, tầm giận hờn và tầm tổn hại.

Hỏi: Tầm tham dục là gì?

Đáp: Tức là tham dục tương ưng với tâm tìm kiếm mong cầu, tìm cầu gần, tìm cầu khắp, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt rất rõ ràng. Biết suy lường, vạch kế hoạch làm việc biết suy xét phân biệt..., gọi chung là tầm tham dục.

Hỏi: Tầm giận dữ là gì?

Đáp: Tức là sân giận tương ưng với các tìm kiếm mong cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần. Tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, rõ ràng sáng tỏ trước

mặt. Biết suy lường, vạch kế hoạch làm việc, biết suy xét phân biệt gọi chung là tầm giận dữ.

Hỏi: Tầm tổn hại là gì?

Đáp: Tức là sự tổn hại tương ưng với các tâm tìm kiếm tìm cầu. Tìm cầu khắp, tìm cầu gần. Tâm sáng tỏ rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt. Biết suy lường vạch kế hoạch làm việc, biết suy xét phân biệt. Gọi chung là tầm tổn hại. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tầm ác phục chúng sinh*
*Khiến việc nhơ thấy sạch*
*Càng thêm lớn tham ái*
*Cột trói mình thật chặt.*

Ba tầm thiện: Đó là tầm xuất ly, tầm không giận dữ và tầm không hại.

Hỏi: Tầm xuất ly là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ tìm xét về các lỗi lầm tai họa do tầm tham dục gây ra. Do vì tầm tham dục là thứ bất thiện, chỉ có đám hạ tiện mới làm theo, còn hết thảy Như Lai, các hàng đệ tử, những bậc hiền quý và các thiện sĩ đều cùng chê trách chán sợ nó, vì nó hại mình, hại người khác và hại tất cả. Nó làm tắt trí tuệ, cản trở đạo phẩm và cả Niết-bàn. Ai có tham dục thì không sinh trí tuệ sáng suốt, không dẫn đến Bồ-đề và không chứng được Niết-bàn. Như thế khi suy xét về các lỗi lầm tai họa của tầm tham dục thì các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ rất sáng tỏ, rõ ràng trước mặt, rồi suy lường, vạch kế hoạch làm việc và suy xét phân biệt..., nên gọi tầm xuất ly.

Lại còn vì muốn đoạn dứt tầm tham dục nên suy xét các công đức của tầm xuất ly. Vì tầm xuất ly là pháp thiện hơn hết, nên chỉ có các bậc cao quý mới tin hiểu nhớ chắc. Tất cả Như Lai, các hàng đệ tử, các bậc Hiền quý và Thiện sĩ đều cùng ngợi khen, do nó chẳng bao giờ hại mình, hại người hay hại tất cả. Nó cũng không làm mất trí tuệ và không cản trở các đạo phẩm hay Niết-bàn. Ai tuân hành pháp nầy, sẽ phát sinh trí tuệ sáng suốt, dẫn đến quả Bồ-đề và có thể chứng được Niết-bàn. Khi suy xét các công đức của tầm xuất ly, thì các tâm sẽ tìm cầu cho đến phân biệt các việc..., nên gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, suy nghĩ mà thấy tầm tham dục như là bệnh ung nhọt, bị tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã..., nó chuyển động gây nên bao nhiêu lao khổ nhọc nhằn, mệt mỏi suy yếu rã rời..., vì nó là pháp hư hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ, nó luôn suy tàn rã mục chẳng phải còn hoài. Chẳng thể tin

cậy được, vì nó là pháp biến đổi hư hoại. Khi suy nghĩ về tầm tham dục như thế thì các tâm luôn kiếm tìm và đến cả việc phân biệt gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, khi vì muốn đoạn trừ tầm tham dục nên suy nghĩ diệt nó chính là sự tịch tĩnh chân thật. Như thế khi suy nghĩ về đạo diệt kia thì các tâm tìm cầm cho đến phân biệt rõ gọi là tầm xuất ly.

Lại còn suy nghĩ về định tâm xả và đạo tâm xả tương ưng với định là định vô tưởng, định diệt tận và trạch diệt. Khi suy nghĩ như thế thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ ràng đó gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, khi suy nghĩ về xuất ly, và xuất ly tương ưng với: Thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ta khởi thân và ngữ nghiệp mà tâm không tương ưng với hành..., thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ gọi là tầm xuất ly.

Hỏi: Còn tầm không giận dữ là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ về tai họa của tầm giận dữ thì thấy giận dữ là pháp chẳng thiện. Chỉ có kẻ hạ tiện mới tin tưởng làm theo. Còn tất cả Như Lai, các hàng đệ tử, các bậc Hiền quý, và Thiện sĩ đều cùng chê trách, chán sợ, vì nó sẽ làm hại mình, hại người khác và hại tất cả. Nó làm mất trí tuệ và làm cản trở các đạo phẩm và Niết-bàn. Những ai ưa giận dữ thì không phát sinh trí tuệ, chẳng dẫn đến Bồ-đề và không chứng được Niết-bàn. Khi suy xét các tai họa của tầm giận dữ gây ra thì các tâm tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt, rồi suy lường vạch kế hoạch làm việc, suy xét phân biệt... Nên gọi là tầm không giận dữ.

Lại vì muốn đoạn dứt tầm giận dữ, nên suy nghĩ đến các công đức của tầm không giận dữ. Vì tầm không giận dữ là pháp thiện cao quý, nên chỉ các bậc tôn quý tin tưởng thọ trì. Vì thế mà tất cả Như Lai và các hàng đệ tử cùng các bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng ngợi khen, do nó chẳng bao giờ làm hại mình, hại người khác hay hại tất cả. Nó cũng không làm mất trí tuệ, chẳng làm chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Những ai tuân hành pháp nầy thì sẽ phát sinh trí tuệ, dẫn đến Bồ-đề và chứng được Niết-bàn. Khi suy nghĩ về công đức của tầm không giận dữ như thế thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ ràng gọi là tầm không sân dữ.

Lại nữa, khi suy nghĩ thấy tầm giận dữ như bệnh ung nhọt, tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nó gây ra biết bao lao khổ nhọc mệt, suy yếu rã rời, vì nó là pháp hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ. Nó luôn suy yếu rã mục chẳng phải

còn mãi. Nó chẳng thể tin cậy được, vì nó là pháp biến dịch hư hoại. Khi suy nghĩ các tầm giận dữ như thế, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tầm không giận dữ.

Lại nữa, còn vì muốn đoạn dứt tầm giận dữ nên suy nghĩ diệt nó chính là sự tịch diệt chân thật. Suy nghĩ đạo, ấy là xuất ly chân thật. Khi suy nghĩ Đạo, Diệt, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tầm không giận dữ.

Lại nữa, khi tư duy đến định Từ tâm tận đạo từ tương ưng với định, định vô tưởng, định diệt tận, trạch diệt. Khi các tâm tìm cầu suy nghĩ như thế cho đến phân biệt gọi đó là tầm không giận dữ.

Lại suy nghĩ không giận dữ và không giận dữ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức và người ta khi khởi nghiệp thân và ngữ mà tâm không tương ưng với hành, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tầm không giận dữ.

Hỏi: Tầm không hại là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ tai hại của tầm tổn hại thì thấy nó là pháp chẳng thiện. Chỉ có hạng người thấp kém hạ tiện mới tin tưởng làm theo. Còn tất cả Như Lai, hàng đệ tử, các bậc Hiền quý, Thiện sĩ thì luôn chê trách đáng sợ, vì nó sẽ làm hại mình, hại người, hại tất cả. Nó làm hư mất trí tuệ, làm chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Nếu ai thường làm việc tổn hại đó thì không phát sinh được trí tuệ sáng suốt, chẳng dẫn đến Bồ-đề, không thể chứng Niết-bàn. Khi suy tư về các tai họa của tầm tổn hại như thế, thì các tâm tìm cầu đến khắp cả, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mắt, rồi suy lường vạch kế hoạch làm việc, suy xét phân biệt..., gọi là tầm không tổn hại.

Lại vì muốn đoạn dứt tầm tổn hại nên suy nghĩ các công đức của tầm không tổn hại, thì thấy tầm không tổn hại là pháp thiện cao quý, chỉ có những bậc cao quý mới tìm hiểu thực hành. Tất cả Như Lai và hàng đệ tử cùng các bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng ngợi khen. Vì nó chẳng hại mình, hại người khác, chẳng hại tất cả. Nó chẳng làm mất trí tuệ, chẳng chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Những ai tuân hành pháp nầy thì phát sinh trí tuệ sáng suốt, dẫn đến giác ngộ và chứng được quả Niết-bàn. Khi suy xét các công đức của tầm không tổn hại thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ gọi là tầm không tổn hại.

Lại nữa, suy xét thấy rằng tầm tổn hại như là bệnh ung nhọt, tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã..., nó chuyển động gây nên bao lao khổ nhọc nhằn, suy yếu rã rời..., vì nó là pháp hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ. Nó luôn suy tàn rã

mục chẳng phải còn hoài. Nó không thể tin cậy được, vì nó là pháp biến đổi hư hoại. Khi suy nghĩ về tâm tổn hại như thế thì các tâm luôn tầm cầu tìm kiếm cho đến phân biệt rõ, đó gọi là tầm không tổn hại.

Lại nữa, vì muốn đoạn trừ tầm tổn hại, nên suy nghĩ đến diệt nó chính là sự tịch tĩnh chân thật, và suy nghĩ đạo ấy thì đó là sự xuất ly chân thật. Như thế khi suy nghĩ về đạo diệt kia thì cái tâm tìm cầu cho đến phân biệt được đó là tầm không tổn hại.

Lại nữa, còn suy nghĩ về định tâm bi và đạo định tâm tương ưng với định là định vô tưởng, diệt, tận định và trạch diệt. Khi suy nghĩ như thế thì các tâm sẽ tìm cầm cho đến phân biệt rõ, đó gọi là tầm không tổn hại.

Lại nữa, khi suy nghĩ về không tổn hại và nó tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ta khởi thân về ngữ nghiệp mà tâm lại không tương ưng hành, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ được gọi là tầm không tổn hại.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ưa diệt các tầm ác*
*Siêng tu quán bất tịnh*
*Luôn nghĩ diệt tham ái*
*Trói chắc, bị đứt tung.*

Ba hạnh ác: Đó là thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác.

Hỏi: Thế nào là thân làm ác?

Đáp: Tức là giết hại, trộm cướp, tà dâm. Lại còn nói: Giết hại, trộm cướp và không phạm hạnh. Cũng nói hết thảy thân nghiệp bất thiện, hết thảy thân nghiệp dẫn đến không đúng lý, hết thảy thân nghiệp gây chướng ngại thiền định. Nói chung là thân làm ác.

Hỏi: Thế nào là miệng làm ác?

Đáp: Tức là nói dối, nói lời ly gián, nói lời dữ dằn thô tục, nói lời nhơ nhớp tội lỗi. Lại nữa hết thảy ngữ nghiệp chẳng thiện, ngữ nghiệp dẫn đến trái chánh pháp, hết thảy ngữ nghiệp gây chướng ngại thiền định. Gọi chung đó là miệng làm ác.

Hỏi: Thế nào là ý làm ác?

Đáp: Tức là tham dục, giận dữ, tà kiến. Lại nữa hết thảy ý nghiệp chẳng thiện, hết thảy ý nghiệp trái chánh pháp, hết thảy ý nghiệp gây chướng ngại thiền định..., gọi chung là ý làm ác. Như Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân cứ hành ác*
*Miệng, ý vẫn hành ác*
*Chẳng tìm cách đối trị*

*Tất phải đọa vào địa ngục.*

Ba hạnh diệu: Đó là thân làm việc cao quý, miệng làm việc cao quý, ý nghĩ việc cao quý (hạnh cao quý của...).

Hỏi: Thân làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ tà dâm. Lại nữa cũng là lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ phi phạm hạnh. Lại thân nghiệp hàng Hữu học và thân nghiệp hàng Vô học và các thân nghiệp của hàng không phải học không phải vô học. Gọi chung là thân làm việc cao quý.

Hỏi: Miệng làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói lời ly gián, lìa bỏ nói lời dữ dằn thô tục, lìa bỏ nói nhớp nhơ. Lại còn có các ngữ nghiệp của hàng hữu học, các ngữ nghiệp của hàng vô học và các ngữ nghiệp của hàng phi học, phi vô học gọi chung là miệng làm việc cao quý.

Hỏi: Ý làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là không tham, không sân giận mà thấy biết đúng. Lại còn có các ý nghiệp của hàng hữu học, các ý nghiệp của hàng vô học, các ý nghiệp của hàng phi học, phi vô học, gọi chung là ý làm việc cao quý. Như Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân tu hạnh quý*
*Miệng, ý làm hạnh quý*
*Không duyên trở ngại nào*
*Được lên trời hưởng phước.*

Các lĩnh vực tham dục, giận dữ, tổn hại, các lĩnh vực xuất ly, không giận dữ, không tổn hại..., đúng như pháp uẩn mà luận bàn. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc..., cũng luận bàn như pháp uẩn. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu có kẻ biết khắp*
*Cõi Dục, Sắc, Vô sắc*
*Vượt nương vào tất cả*
*Nên chạm vào vô dư.*
*Thân chứng được cam lồ*
*Vô lậu chẳng nghĩ bàn*
*Thế Tôn nói Niết-bàn*
*Vì ích lợi quần sinh.*

Cõi Sắc, cõi Vô sắc và diệt giới..., thì cũng nên theo đúng pháp uẩn mà luận bàn. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chúng sinh ở cõi Sắc*

*Và ở cõi Vô sắc*
*Chẳng chứng được pháp diệt*
*Nhất định có kiếp sau.*
*Nếu khắp biết cõi Sắc*
*Chẳng trụ vào Vô sắc*
*Đến chỗ diệt rốt ráo*
*Tức giải thoát sinh tử.*

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ hai nói:

*Hai, ba pháp có mười*
*Thế ngôn y, xứ, hành*
*Tâm số đến thượng tòa*
*Tụ - cử chẳng giữ ba.*

Đây nói về: Có ba đời, ba ngôn y, ba chỗ có sắc, ba thứ hành, ba thứ tâm, ba thứ bổ-đặc-già-la, ba thứ thượng tòa, ba thứ khối, ba việc gây tội, ba thứ không giữ gìn.

Ba đời: Đó là đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại.

Hỏi: Đời quá khứ là sao?

Đáp: Là các hạnh đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển đổi, đã đang chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện thì đều tàn tạ theo quá khứ là mất, diệt, lìa, biến là tính chất quá khứ, loại quá khứ đều thuộc đời quá khứ. Đó gọi là đời quá khứ.

Hỏi: Đời vị lai là sao?

Đáp: Là các hạnh chưa khởi, chưa khởi tất cả, chưa sinh ra, hết thảy chưa sinh ra, chưa chuyển đổi, hiện chưa chuyển đổi, chưa tụ họp, chưa xuất hiện, thuộc tánh chưa có, thuộc loại chưa tới, thuộc đời vị lai. Đó gọi là đời vị lai.

Hỏi: Đời hiện tại thì sao?

Đáp: Tức là các hành đã khởi lên, cùng khởi lên, đã sinh, cùng sinh, đã chuyển, đã chuyển hiện, tụ tập xuất hiện để trụ vào đã tàn tạ, chưa diệt hết, chưa lìa, biến hòa hợp hiện tiền, tính chất hiện tại, loại hiện tại, hiện thuộc về đời hiện tại, nghĩa là đời hiện tại. Đời (thế) là nghĩa thế nào? Đời là chỉ rõ các hành, tăng lời nói.

Ba thứ ngôn y: Tức là quá khứ ngôn y, vị lai ngôn y và hiện tại ngôn y.

Hỏi: Quá khứ dựa vào lời nói là thế nào? Ngôn là gì, y là gì mà nói là quá khứ dựa vào lời nói?

Đáp: Các hành đã khởi, cùng khởi, đã sinh, cùng sinh, đã chuyển đổi, đã hiện chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã tàn tạ, đã qua đi,

đã mất hết, chia lìa, biến đổi, tính chất quá khứ, loại quá khứ là thuộc đời quá khứ nên gọi là quá khứ, tức nương vào các hành đã khởi trong quá khứ, mà nói, mà nêu bày bình luận, kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn. Ý hướng vào lời nói, âm hưởng của lời nói, nghiệp của lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là lời nói. Còn như những điều nói ở trước, thì các hành của quá khứ cũng gọi là y (nương tựa). Là nói do có cái gốc nhân của tầm nhìn nên các duyên khởi liên tục phát sinh, có thể làm các sinh duyên tập hợp cùng khởi lên, vì dựa vào hành khởi của quá khứ mà nói. Do đó các hành của quá khứ cũng gọi là quá khứ dựa vào lời nói.

Hỏi: Vị lai dựa vào lời nói là sao? Vị lai ngôn là sao, y là sao mà nói là vị lai ngôn y?

Đáp: Các hành hoàn toàn chưa khởi, hoàn toàn chưa cùng khởi, chắc chắn chưa sinh, cùng chưa sinh chắc chắn, chưa chuyển đổi, chưa chuyển đổi vào hiện tại, chưa tụ tập, chưa xuất hiện là tính chất vị lai, loại vị lai, nó thuộc đời vị lai, nên gọi là chưa tới. Tức dựa vào các hành vị lai khởi lên như thế mà nói năng, có lời nêu bày, bình luận kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn. Luồng lời nói, âm hưởng của lời nói, nghiệp lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là nói. Tức là đều nói trước về các hành vị lai, cũng gọi là nương tựa. Ấy là nói do các gốc nhân của tầm nhìn nên các duyên khởi liên tục phát sinh, vì có thể làm sinh các duyên tập hợp lại cùng khởi lên, vì dựa vào các hành của vị lai mà nói. Do đó các hành của vị lai cũng gọi là vị lai dựa vào lời nói.

Hỏi: Hiện tại dựa vào lời nói là sao? Hiện tại ngôn là sao? Y là sao mà nói là hiện tại ngôn y?

Đáp: Các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đang chuyển đổi, chuyển đổi ngay trong hiện tại đang tụ tập, đang xuất hiện, đang tạ từ ra đi đã mất hết, đang chia lìa biến đổi hiện thời trước mắt. Nó là tính chất hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Thế nên gọi là hiện tại. Tức là dựa vào các hành hiện tại đã khởi lên như thế mà nói năng, có lời nêu bày, bình luận, kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn của lời nói, tâm hưởng của lời nói, nghiệp của lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là nói. Còn là điều nói trước các hành hiện tại cũng gọi là nương tựa. Ấy là nói do gốc nhân của tầm nhìn, các duyên khởi liên tục phát sinh. Vì có thể làm sinh các duyên tập họp lại cùng khởi lên, vì dựa vào các hành khởi của hiện tại mà nói. Do đó các hành của hiện tại cũng gọi là hiện tại dựa vào lời nói.

"Không có cái thứ tư, thứ năm vì dựa vào hữu vi mà nói", nghĩa

là pháp hữu vi chỉ có ba thứ, mà không thể có cái thứ tư, thứ năm. Nếu nói đây là dựa vào tất cả pháp mà nói, thì các pháp vô vi tức là thuộc vào lời nói hiện tại. Lại không có cái thứ tư, thứ năm có thể được, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ưa ngôn tưởng chúng sinh*
*Luôn trụ vào ngôn tưởng*
*Chưa biết khắp ngôn tưởng*
*Vào sinh tử vô cùng*
*Nếu biết khắp ngôn tưởng*
*Với nó, không gì vui*
*Cũng chẳng ưa nói nó*
*Thường vui tu thiền định*
*Tịch định luôn siêng năng*
*Thấy bờ sinh tử hết*
*Phá tan các quân ma*
*Vượt sinh tử, đến bờ kia.*

Ba sắc xứ: Tức là ba lĩnh vực gồm thâu tất cả sắc. Ba thứ đó là gì? Đó là:

1. Là có sắc có thấy có đối.
2. Là có sắc không thấy có đối.
3. Là có sắc không thấy không đối.

Thế nào là sắc có thấy có đối? Đó là một lĩnh vực (xứ).

Thế nào là sắc không thấy có đối? Đó là chín lĩnh vực.

Thế nào là sắc không thấy không đối? Đó là phần ít của một lĩnh vực.

Ba thứ hành: đó là hành của thân, hành của miệng, hành của ý.

Hỏi: Hành của thân là gì?

Đáp: Thân cũng gọi là thân hành, nghiệp của thân cũng gọi là thân hành. Hít vào thở ra cũng gọi là thân hành. Theo nghĩa ở đây thì ý muốn nói thân hành là hít thở ra vào. Vì sao? Vì hít vào nghĩa là thở đưa khí từ ngoài vào trong thân, còn thở ra tức là đưa khí từ trong thân ra ngoài. Do cách thế đó mà khiến thân chuyển động thông suốt và được yên ổn bình an. Do đó hít vào thở ra nói là thân hành.

Hỏi: Hành của miệng là thế nào?

Đáp: Lời nói cũng gọi là ngữ hành, ngữ nghiệp cũng gọi là ngữ hành, tầm tứ cũng gọi là ngữ hành. Với nghĩa nầy thì ý muốn nói sự suy xét theo dõi là ngữ hành. Vì sao? Vì cần phải suy xét kỹ lưỡng rồi mới phát ra lời nói. Nói thì đều phải xem xét kỹ lưỡng. Thế nên suy xét được

gọi là ngữ hành.

Hỏi: Hành của ý là thế nào?

Đáp: Ý nghĩ cũng là ý hành, ý nghiệp cũng gọi là ý hành, suy nghĩ tư tưởng cũng gọi là ý hành. Theo nghĩa trong đây thì ý nói suy nghĩ tư tưởng là ý hành. Vì sao? Vì nghĩ tưởng và suy xét là pháp tâm sở, nó dựa vào tâm và hệ thuộc vào tâm, nó nương nhờ vào tâm nhưng lại giúp đỡ phò trợ cho tâm. Thế nên nghĩ tưởng suy xét gọi là ý hành.

Ba thứ tâm:

1. Là tâm dụ như ung nhọt ghẻ lở.
2. Tâm dụ như ánh chớp.
3. Là tâm dụ như kim cương.

Hỏi: Tâm dụ như ung nhọt ghẻ lở là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại chúng sinh có bản chất rất hung dữ bạo ác, nói năng dữ dằn thô tục, khi có chút xích mích hay việc buồn khổ nhỏ nhặt nào thì đùng đùng giận dữ, kết oán gây thù, dữ dằn chửi bới hung hăng, khác nào ung nhọt ghẻ lở khi vừa bị vật chạm vào thì vỡ ra, tung chảy máu đầm đìa không thôi. Vì tâm đó cũng vậy, chỉ cần phải chút nghịch duyên là lập tức giận dữ bùng nổ, hận oán triền miên không dứt.

Vì sao coi tâm ấy như là ung nhọt ghẻ lở? Vì tâm ý thức kẻ ấy mới chạm phải chút trái duyên thì lập tức bung ra bao thứ chất dơ bẩn hôi hám..., cho nên gọi là tâm dụ như bệnh ung nhọt ghẻ lở.

◆◆◆